

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 106, 186, 189, 192, 213, 221, 274, 280, 357, 612, 613, 649, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 95, Điều 99 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 7 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23/8/2023, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 387/2016/TLST-DS ngày 12/10/2016, về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1943; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam (chết ngày 05/10/2021).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn (vợ và các con của ông Trần Văn Đ):

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; Căn cước công dân số 035150005904 cấp ngày 10/8/2021; địa chỉ: thôn M, xã N, huyện Ý Yên, tỉnh Hà Nam.

Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1975; Căn cước công dân số 035175004879 cấp ngày 22/3/2023; địa chỉ: 438 đường V, phường T, thành phố Nam Định, tỉnh Hà Nam.

Bà Trần Thị Phương N, sinh năm 1975; Căn cước công dân số 0351760011808 cấp ngày 10/8/2021; địa chỉ: thôn M, xã N, huyện Ý Yên, tỉnh Hà Nam.

Ông Trần Tuấn Đ, sinh năm 1983; Căn cước công dân số 035083013146 cấp ngày 22/11/2021; địa chỉ: 436B/71B/20 Đường A, khu phố B, Phường C, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà T1, bà N: Ông Trần Tuấn Đ - theo các Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2454, 2455, 2456 quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/8/2023 của Văn phòng công chứng Ngọc Ban, xác nhận theo số công chứng 0013712, 0013713, 0013714 quyền số 8/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/8/2023 của Văn phòng công chứng Nhà Rộng.

- Bị đơn: Ông Lê Quang T, sinh năm 1976; địa chỉ: 16/2B ấp Đ1, xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Trần Tuấn Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: 436B/71B/20 Đường 3/2, khu phố 56, Phường 12, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh - theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2454 quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/8/2023 của Văn phòng công chứng Ngọc Ban, xác nhận theo số công chứng 0013712 quyền số 8/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/8/2023 của Văn phòng công chứng Nhà Rộng.

+ Em Lê Ngọc K, sinh ngày 01/8/2005; địa chỉ: 16/2B ấp Đ1, xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

+ Ông Cao Minh T, sinh năm 1950;

+ Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1958,

Địa chỉ: 69/15 đường L, Phường Z, quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh.

+ Bảo hiểm xã hội; địa chỉ: 117C Nguyễn Đình Chính, Phường 15, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng N.

+ Công ty cổ phần chứng khoán S); địa chỉ: 72 đường N, phường B, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kim L.

+ Công ty cổ phần chứng khoán N; địa chỉ: Lầu 9 – 146 đường N, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Ngô Thị Phong L.

+ Chi nhánh Công ty cổ phần V; địa chỉ: Lô 1 – 18 Khu G1 Hương lộ A, Khu công nghiệp T, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Phương T.

+ Tổng công ty bảo hiểm P; địa chỉ: 81 đường C, Phường D, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hồng T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Trần Thị Ái V, sinh ngày 22/11/1980, CMND số 024915118 do CA Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2008, đã chết ngày 17/6/2016, theo Trích lục khai tử số 26/TLKT-BS ngày 17/6/2016 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Bà Trần Thị Ái V không để lại di chúc.

2.2. Người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị Ái V gồm (mẹ, cha, chồng, con): bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn Đ (chết ngày 05/10/2021 theo Trích lục khai tử số 37/2021/TLKT ngày 13/10/2021 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn Đ gồm: bà Nguyễn Thị T, bà Trần Thị Bích T, bà Trần Thị Phương N, ông Trần Tuấn Đ), ông Lê Quang T, em Lê Ngọc K.

2.3. Di sản thừa kế của bà Trần Thị Ái V gồm:

2.3.1. Một nửa giá trị căn nhà số 16/2B ấp Đ1, xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh, diện tích 47.9m², thuộc một phần thửa 230, tờ bản đồ thứ 01, Bộ địa chính xã Tân Chánh Hiệp, huyện Hóc Môn (TL 1990), nay thuộc một phần thửa 83, tờ bản đồ số 67 (TL2005) – Bộ địa chính xã Thới Tam Thôn, theo Bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng 104037/TTĐĐBĐ-CNHM ngày 29/5/2018 của Trung tâm đo đạc bản đồ. Tổng giá trị theo định giá là 694.438.297 đồng.

2.3.2. Số tiền 77.919.745 đồng tại Bảo hiểm xã hội, gồm: trợ cấp tuất một lần là 65.819.745 đồng, trợ cấp mai táng là 12.100.000 đồng, theo văn bản số 1455/BHXXH-CD ngày 12/7/2017, văn bản số 3304/BHXXH-CD ngày 22/6/2022 của Bảo hiểm xã hội.

2.3.3. Một nửa số dư chứng khoán và tiền trên tài khoản tại Tài khoản chứng khoán số 003C313280, tạm tính đến ngày 16/6/2022, tại Công ty cổ phần chứng khoán S, gồm: số dư chứng khoán là 2484 có giá trị 171.396.000 đồng (tạm tính 69.000 đồng/cổ phiếu) và số dư tiền mặt là 50.080.879 đồng, theo văn bản số 909/2018/CV-SSIHO ngày 28/8/2018, văn bản số 756/2022/CV-SSIHO ngày 20/6/2022 của Công ty cổ phần chứng khoán SSI.

2.3.4. Một nửa số dư chứng khoán trên Tài khoản chứng khoán số 002C043211 tại Công ty cổ phần chứng khoán N, tạm tính đến ngày 21/6/2022 là 4418 có giá trị 304.842.000 đồng (69.000 đồng/cổ phiếu); và số dư tiền mặt trên tài khoản kết nối với tài khoản ngân hàng số 31312.000003485 tại BIDV Chi nhánh Bắc Sài Gòn là 58.297.700 đồng, theo văn bản số 155/BSC-TH.CN1 ngày 22/8/2018, văn bản số 070/BSC-KSNB.CN1 ngày 22/6/2022 của Công ty cổ phần chứng khoán N.

2.3.5. Tiền bảo hiểm sinh mạng là 309.000.000 đồng, theo Hợp đồng bảo hiểm số 15/25/07/CSSK/P000003 ngày 31/12/2015 tại Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P, theo văn bản ngày 22/6/2017, văn bản số 1098/PVI-CSN ngày 07/9/2018, văn bản số 1989/PVI-CSN ngày 26/11/2019 của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P.

2.3.6. Số tiền 60.250.000 đồng tại Chi nhánh Công ty V, gồm: tiền trợ cấp thôi việc là 23.600.000 đồng, tiền phúng viếng theo thỏa ước lao động tập thể là 12.000.000 đồng, tiền phúng viếng của cán bộ công nhân Nhà máy sữa Sài Gòn là 24.650.000 đồng, theo văn bản số 154/06/SG-HCNS/2017 ngày 22/6/2017, văn bản số 38/06/SG-HCNS/2022 ngày 17/6/2022 của Chi nhánh Công ty V.

Tổng giá trị di sản của bà Trần Thị Ái V là 1.086.697.184 đồng.

2.4. Ông Lê Quang T được quản lý, sử dụng, sở hữu toàn bộ các tài sản nêu trên, cụ thể ông Lê Quang T có quyền:

2.4.1. Quản lý, sử dụng căn nhà số 16/2B ấp Đ1, xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh, diện tích 47.9m², thuộc một phần thửa 230, tờ bản đồ thứ 01, Bộ địa chính xã Tân Chánh Hiệp, huyện Hóc Môn (TL 1990), nay thuộc một phần thửa 83, tờ bản đồ số 67 (TL2005) – Bộ địa chính xã Thới Tam Thôn, theo Bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng 104037/TTĐĐBĐ-CNHM ngày 29/5/2018 của Trung tâm đo đạc bản đồ; được quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành thủ tục xin cấp giấy tờ liên quan đến nhà và đất nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

2.4.2. Liên hệ với Bảo hiểm xã hội để nhận số tiền 77.919.745 đồng, gồm 65.819.745 đồng tiền trợ cấp tuất một lần và 12.100.000 đồng tiền trợ cấp mai táng, thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nếu có.

2.4.3. Liên hệ với Công ty cổ phần chứng khoán S để thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Tài khoản giao dịch chứng khoán số 003C313280 tên Trần Thị Ái V theo đúng quy định của pháp luật.

2.4.4. Liên hệ với Công ty cổ phần chứng khoán N để thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Tài khoản giao dịch chứng khoán số 002C043211 tên Trần Thị Ái V; và liên hệ với Ngân hàng B - Chi nhánh Bắc Sài Gòn để thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với số dư tiền mặt trên tài khoản kết nối với tài khoản ngân hàng số 31312.000003485, theo đúng quy định của pháp luật.

2.4.5. Liên hệ với Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P để thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Hợp đồng bảo hiểm số 15/25/07/CSSk/P000003 ngày 31/12/2015 của bà Trần Thị Ái V.

2.4.6. Liên hệ với Chi nhánh Công ty V để nhận tiền trợ cấp thôi việc của bà Trần Thị Ái V là 23.600.000 đồng, tiền phúng viếng theo thỏa ước lao động tập thể là 12.000.000 đồng (do ông Lê Quang T đã nhận 24.650.000 đồng tiền phúng viếng của cán bộ công nhân Nhà máy V, theo biên bản giao nhận ngày 22/12/2017).

2.5. Ông Lê Quang T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 300.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn Đ (chết ngày 05/10/2021, có người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà Nguyễn Thị T, bà Trần Thị Bích T, bà Trần Thị Phương N, ông Trần Tuấn Đ) trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày 31/8/2023, hạn cuối thanh toán tiền là ngày 30/11/2023, bằng cách thanh toán trực tiếp cho ông Trần Tuấn Đ.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn Đ (chết ngày 05/10/2021, có người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà Nguyễn Thị T, bà Trần Thị Bích T, bà Trần Thị Phương N, ông Trần Tuấn Đ) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Quang T chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Quang T phải chịu số tiền 17.733.944 đồng, thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 7.500.000 đồng nhưng được miễn nộp tiền án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi. Trả lại cho ông Trần Văn Đ (chết ngày 05/10/2021; có người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Nguyễn Thị T, bà Trần Thị Bích T, bà Trần Thị Phương N, ông Trần Tuấn Đ) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.004.720 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009856 ngày 12/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND HHM;
- THADS HHM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Văn Huy